

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày : 29-6-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1969 và ông **Trần Văn V**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Huỳnh Thị G** (tên gọi khác: H1) sinh năm 1977 và ông **Đinh Văn K**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà V, ông V có mặt; ông K, bà G đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, bổ sung ngày 02/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà V, ông V trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, từ năm 2017 đến năm 2020 vợ chồng bà V, ông V có cho vợ chồng ông K, bà G (H1) vay tiền, cà phê nhân như sau:

Ngày 14/12/2017 cho vay 220.000.000 đồng, ngày 26/12/2017 cho vay thêm 140.000.000 đồng, cộng 360.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, ông K, bà G cùng ký tên người vay, bà G ghi tên thường gọi là H1, lãi thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2018 sau đó có gia hạn đến năm 2019 sẽ trả nợ, lãi trả hàng

tháng. Tháng 12/2020 vợ chồng ông K, bà G nhờ người nhà trả nợ gốc được 100.000.000 đồng, còn lại gốc và lãi đến nay không trả mặc dù đã đòi nợ nhiều lần.

Ngày 11/8/2018 bà G vay 15.000.000 đồng, ngày 19/8/2018 bà G vay 40.000.000 đồng, tiền lãi bà G tự tính là 103.000.000 đồng, cộng 155.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, sau này bà G xé bỏ, hai bên thống nhất viết vào 01 giấy vay tiền trước đây vợ chồng đã ký. Ngày 19/01/2019 bà G vay 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta, tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Đến ngày 05/3/2020 bà G viết giấy vay cà phê, trong đó có tính lãi cà phê 747,7 kg, cộng nợ cà phê nhân thành 4.486 kg, viết vào giấy vay tiền ngày 26/12/2018. Cả tiền, cà phê do bà G vay có xin gia hạn đến năm 2019 trả nợ.

Tuy nhiên đến nay các khoản nợ còn lại vợ chồng ông K, bà G không trả, kể cả gốc và lãi. Bà G còn đi khỏi địa phương không thể liên lạc được. Vì vậy vợ chồng bà V, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông K, bà G (H1) phải trả số tiền gốc đã vay 260.000.000 đồng, lãi phát sinh tính như sau: Từ ngày 26/12/2017 đến 14/12/2020 là 35 tháng 15 ngày (làm tròn) $\times 0.83\%/tháng \times 360.000.000 \text{ đồng} = 106.074.000 \text{ đồng}$. Ngày 15/12/2020 trả tiền gốc 100.000.000 đồng, còn lại 260.000.000 đồng, lãi tính từ 15/12/2020 đến 30/6/2021 $\times 0.83\%/tháng \times 06 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 14.027.000 \text{ đồng}$, cộng cả gốc và lãi là 380.101.000 đồng. Yêu cầu bà G (Hiệu) có trách nhiệm trả 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta, tạp chất 1%, độ ẩm 15%.

Ngày 19/3/2021 bà V, ông V rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà G, ông K trả số tiền 55 triệu đồng, tiền lãi 103.000.000 đồng và 747,7 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%.

Bà V, ông V trình bày bổ sung về việc bà G (H1) có viết giấy sang nhượng đất cho vợ chồng bà V để cản trừ khoản nợ vay khác là 100 triệu đồng và lãi phát sinh. Hai bên đã tự nguyện thỏa thuận xong không liên quan gì đến khoản nợ hiện nay vợ chồng khởi kiện vợ chồng ông K, bà G. Sau này nếu có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết thành một vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2021 của Tòa án, bị đơn ông Đinh Văn K thừa nhận năm 2017 vợ chồng có vay của vợ chồng bà V, ông V số tiền 360.000.000 đồng là đúng, lãi thỏa thuận miệng 4%/tháng, bà G trả lãi nhưng không có giấy tờ gì, vay tiền làm nhà ở. Cuối năm 2020 người nhà của ông K đã trả nợ thay số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng bà V, còn bà G có cản trừ một miếng đất khác có nhà để cản trừ nợ không có sự đồng ý của ông K, hai bên viết giấy tay chuyển nhượng đất. Còn lại các khoản nợ khác thì ông K không vay, không biết và không đồng ý. Bà G có vay hay không ông K không biết, bà G có trách nhiệm đến Tòa án để đối chiếu nợ với vợ chồng bà V. Còn bà Huỳnh Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/3/2021 nhưng không được, ngày 05/4/2021

nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà V, buộc ông K, bà G (H1) có trách nhiệm trả cho ông V, bà V số tiền 260.000.000 đồng và lãi phát sinh là 08.3%/tháng kể từ ngày vay. Buộc bà G (H1) trả cho ông V, bà V 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông V, bà V về việc yêu cầu bà G, ông K trả số tiền 55.000.000 đồng, tiền lãi 103.000.000 đồng và 747,7 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn K và bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V đối với bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn K và bà Huỳnh Thị G (H1) thấy rằng:

Ông V, bà V có quen biết ông K, bà G nên có quan hệ cho vay tài sản. Tại “*giấy vay tiền*” ngày 26/12/2017 (sau này sửa 2017 thành 2018) thể hiện vợ chồng ông K, bà G vay của vợ chồng bà V, ông V số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể vay 02 lần: ngày 14/12/2017 vay 220.000.000 đồng, ngày 26/12/2017 vay 140.000.000 đồng. Nội dung giấy vay do bà V viết, vợ chồng bà G, ông K ký xác nhận bên vay tiền, bà G ký và ghi tên Huỳnh Thị H1, thỏa thuận thời hạn trả nợ đến tháng 12/2018. Đến hạn ông K, bà G không trả được nợ nên thống nhất gia hạn thời gian trả nợ bằng cách sửa trực tiếp ngày trả nợ trong giấy vay cũ thành tháng 12/2019. Quá trình giải quyết vụ án ông K cũng thừa nhận vợ chồng có vay số tiền này để làm nhà, có trả tiền gốc vào cuối năm 2020 (xác định 15/12/2020) được 100.000.000 đồng, còn nợ số tiền 260.000.000 đồng là đúng. Đến nay ông K, bà G không trả số nợ trên cho bà V, ông V. Vì vậy vợ chồng bà V, ông V khởi kiện để yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông K, bà H1 trả số tiền này là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất có ghi theo

thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể bao hiệu, vợ chồng bà V trình bày lãi suất 2%/tháng, chưa trả lãi. Ông K trình bày lãi suất 4%/tháng, bà G trả lãi không nhớ bao nhiêu, không có giấy tờ gì. Xét thấy hai bên trình bày có mâu thuẫn về lãi suất, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bà V yêu cầu tính theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 468 BLDS 2015 xác định lãi suất 0.83%/tháng, từ ngày vay 26/12/2017 đến 14/12/2020 là 35 tháng 15 ngày (làm tròn) x 0.83%/tháng x 360.000.000 đồng = 106.074.000 đồng. Ngày 15/12/2020 vợ chồng ông K, bà G trả nợ gốc 100.000.000 đồng, còn lại 260.000.000 đồng, lãi tính từ 15/12/2020 đến 30/6/2021 là 06 tháng 15 ngày (làm tròn) x 0.83%/tháng x 260.000.000 đồng = 14.027.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi buộc vợ chồng ông K, bà G phải trả cho vợ chồng ông V, bà V là 380.101.000 đồng.

Tại “Giấy vay tiền” ngày 26/12/2017 thể hiện bà G có vay của vợ chồng bà V 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta, tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Đến ngày 05/3/2020 bà G có viết “*giấy vay cà phê*”, tính thêm lãi cà phê 747,7kg thành 4.486 kg và trực tiếp ký, ghi họ tên là “Huỳnh Thị G”, hẹn đến tháng 12/2020 trả nợ. Xét nợ vay cà phê không tính lãi, vợ chồng bà V, ông V rút yêu cầu khởi kiện về trả lãi cà phê là 747,7 kg. Quá trình làm việc tại Tòa án ông K không thừa nhận số nợ này, không đồng ý trả nợ, bà G có vay hay không ông không rõ, ông sẽ nói với bà G về đối chiếu nợ, tự chịu trả nợ nếu có vay cà phê. Tuy nhiên đến nay bà G không về làm việc, không có căn cứ chứng minh đã trả nợ cho vợ chồng bà V, ông V. Vợ chồng bà V, ông V cũng thừa nhận chỉ có bà G đến vay cà phê, ông K không vay, yêu cầu bà G trả nợ. Vì vậy cần buộc cá nhân bà G có trách nhiệm trả 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15% cho vợ chồng bà V, ông V.

Về “*giấy sang nhượng đất nhà ở*” lập ngày 11/4/2020 vợ chồng bà V, ông V không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, vợ chồng ông K, bà G triệu tập không đến làm việc. Xét đây là quan hệ dân sự khác, vợ chồng bà V, ông V không khởi kiện yêu cầu giải quyết nên không đề cập trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp thì thụ lý giải quyết thành vụ án khác.

Về rút yêu cầu khởi kiện của ông V, bà V: Ngày 19/3/2021 bà V, ông V rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H1, ông K trả số tiền 55.000.000 đồng, tiền lãi 103.000.000 đồng và 747,7 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông K, bà G (H1) phải chịu 19.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (380.101.000 đồng x 5%), buộc bà G (H1) phải chịu 6.599.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tính giá cà phê tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 35.300 đồng/kg x 3.738,6 kg x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V đối với vợ chồng ông Đinh Văn K, bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

- Buộc vợ chồng ông Đinh Văn K và bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V số tiền 380.101.000 đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

- Buộc bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V 3.738,6 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V đối với vợ chồng ông Đinh Văn K và bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) về việc trả số tiền 55.000.000 đồng, tiền lãi 103.000.000 đồng và 747,7 kg cà phê nhân Robusta tạp chất 1%, độ ẩm 15%.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn K và bà Huỳnh Thị G (tên gọi khác: H1) phải nộp 19.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Huỳnh Thị G (H1) phải nộp 6.599.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tính giá cà phê 35.300 đồng/kg tại thời điểm xét xử). Hoàn trả lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Trần Văn V số tiền 14.914.590 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004659 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Bích Thủy